Tổng hợp thị trường tuần

Số liệu cập nhật đến 06/11/2026

PHÂN HÓA MẠNH NHƯNG THANH KHOẢN TĂNG CAO

Shinhan Securities

Chiến lược tuần

Tiêu điểm tuần

- NHNN bơm 2 tỷ USD qua kênh FX Swap: Ngân hàng Nhà nước thông báo thực hiện giao dịch mua bán ngoại tệ (FX Swap) USD/VND quy mô 2 tỷ USD với kỳ hạn lên tới 182 ngày (kỳ hạn dài nhất từ đầu năm) nhằm hỗ trợ thanh khoản VND cuối năm cho hệ thống ngân hàng.
- Tính đến đầu tháng 11, toàn bộ 46 ngân hàng thương mại đã đồng loạt niêm yết giảm lãi suất tiền gửi 0.5–0.7%/năm.
- Giá xăng dầu trong nước tại kỳ điều hành hôm nay (5/11) đồng loạt đi xuống. Giá xăng E5RON92 giảm 2,305 đồng/lít, xuống còn 20,898 đồng/lít; xăng E10RON95-III hạ 2,075 đồng/lít.
- Điều chỉnh giảm giá bán lẻ điện bình quân 2% từ ngày 1/11/2026
- Tại cuộc bầu cử của Mỹ, phe Dân chủ giành chiến thắng lớn và chiếm lại quyền kiểm soát tại Quốc hội

DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% thay đổi 1W	% thay đổi 1M	% thay đổi 3M	% thay đổi YTD	Vốn hóa (tỷ USD)
VN-Index	1,725.4	-0.9%	-1.9%	-2.2%	-3.3%	328.3
Upcom Index	121.8	-1.6%	-2.8%	-4.0%	+0.6%	25.5
HNX Index	256.7	+1.6%	-3.3%	-12.3%	+3.2%	15.8
VN30 Index	1,846.4	-0.5%	-2.8%	-3.0%	-9.1%	249.6
S&P 500 Index	n/a	-3.0%	-5.9%	-4.6%	+7.4%	65,772.8
STOXX Europe 600 Index	n/a	+1.3%	+2.9%	-0.5%	+10.6%	18,620.1
Hang Seng	24,487.3	+5.1%	+0.8%	-4.1%	-4.5%	3,801.8
Nikkei 225	57,434.8	-9.3%	-18.7%	-12.6%	+14.1%	6,378.1
SHCOMP Index	3,649.2	+1.4%	-5.0%	-6.4%	-8.1%	9,375.9
STI Index	5,150.9	-4.4%	-9.8%	-8.8%	+10.7%	604.9
KOSPI Index	5,059.7	-11.7%	-27.1%	-19.6%	+20.1%	3,164.7

Nguồn: Bloomberg.

THANH KHOẢN TOÀN THỊ TRƯỜNG TRUNG BÌNH — THEO NHÓM VỐN HÓA

Giá trị giao dịch trung bình tuần

TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC	% THAY ĐỔI SO VỚI TUẦN TRƯỚC
13,470.2 tỷ VND	12,115.4 tỷ VND	+11.2% giá trị giao dịch trung bình

Nhóm vốn hóa	% thay đổi giá				% thay đổi giá trị giao dịch				Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)	Định giá		Vốn hóa (tỷ VND)
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD		P/E	P/B	
Vốn hóa lớn Large Cap	-1.0%	-0.5%	-1.7%	+2.1%	+13.3%	+8.7%	+0.2%	-30.8%	84.9	15.1x	2.3x	7,724,552.9
Vốn hóa trung bình Mid Cap	+1.8%	+1.0%	-5.4%	-11.6%	-2.8%	+3.5%	+15.6%	-24.8%	13.7	9.6x	1.1x	533,227.3
Vốn hóa nhỏ Small Cap	-1.3%	-3.1%	-13.1%	-27.0%	+52.1%	+87.2%	+97.0%	+43.4%	1.5	10.1x	0.6x	71,492.4

Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

ĐÓNG GÓP VÀO VN-INDEX

TOP 10 NÂNG ĐỠ

CTG	+0.2	(+5.1%)
STB	+0.1	(+5.6%)
TCX	+0.1	(+5.5%)
VPL	+0.1	(+3.1%)
MSN	+0.1	(+4.3%)
VCK	+0.1	(+6.1%)
VIX	+0.0	(+11.3%)
HVN	+0.0	(+5.3%)
SSI	+0.0	(+5.7%)
VND	+0.0	(+11.6%)

TOP 10 KÉO GIẢM

VIC	-0.6	(-2.7%)
VCB	-0.3	(-4.8%)
BID	-0.1	(-4.3%)
GAS	-0.1	(-5.0%)
VPB	-0.1	(-3.9%)
GVR	-0.1	(-6.2%)
VHM	-0.1	(-1.4%)
MCH	-0.1	(-3.9%)
BSR	-0.1	(-4.9%)
BVH	-0.0	(-8.0%)

Đóng góp (điểm phần trăm) = tỷ trọng vốn hóa trong VN-Index × % thay đổi vốn hóa của cổ phiếu từ 30/10/2026 đến 06/11/2026; số trong ngoặc là % thay đổi vốn hóa của cổ phiếu trong cùng kỳ. Nguồn: Bloomberg.

DIỄN BIẾN VN-INDEX VÀ P/E — 1 NĂM GẦN NHẤT



Nguồn: Bloomberg.

GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

ĐÁNH GIÁ

Có thể thấy tuần qua thị trường ngập tràn thông tin tích cực, và cũng đã có nhịp tăng rất mạnh trong phiên ngày 04/11 dù sau đó đã hạ nhiệt. Nhịp tăng chủ yếu nhờ nhóm tài chính và tài nguyên cơ bản. Nếu loại bỏ nhóm Vingroup thì nhiều cổ phiếu bất động sản cũng phục hồi đáng kể từ mức nền thấp. Chúng tôi đánh giá các thông tin từ NHNN mang yếu tố giải tỏa tâm lý ngắn hạn tạm thời; kết quả cuộc bầu cử và giá dầu giảm cũng tạo nên kỳ vọng hạ nhiệt chiến sự giữa Mỹ và Iran, dù vẫn còn sớm để có thể kết luận chính thức. Chúng tôi kỳ vọng tuần sau sẽ là tuần tăng điểm hướng về vùng kháng cự 1,780.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Thị trường kết tuần tại 1,725 điểm (-16 điểm, -0.93%) trên đồ thị tuần với thanh khoản cao. Thị trường phân hóa với CTG STB đóng góp vào đà tăng trong khi VCB và VIC đóng góp lớn vào đà giảm của tuần. Xu hướng chung không thay đổi khi thị trường đi ngang chủ yếu nhưng biến động của từng ngành khác nhau. Hỗ trợ và kháng cự tham chiếu tương ứng là 1,700 – 1,780.

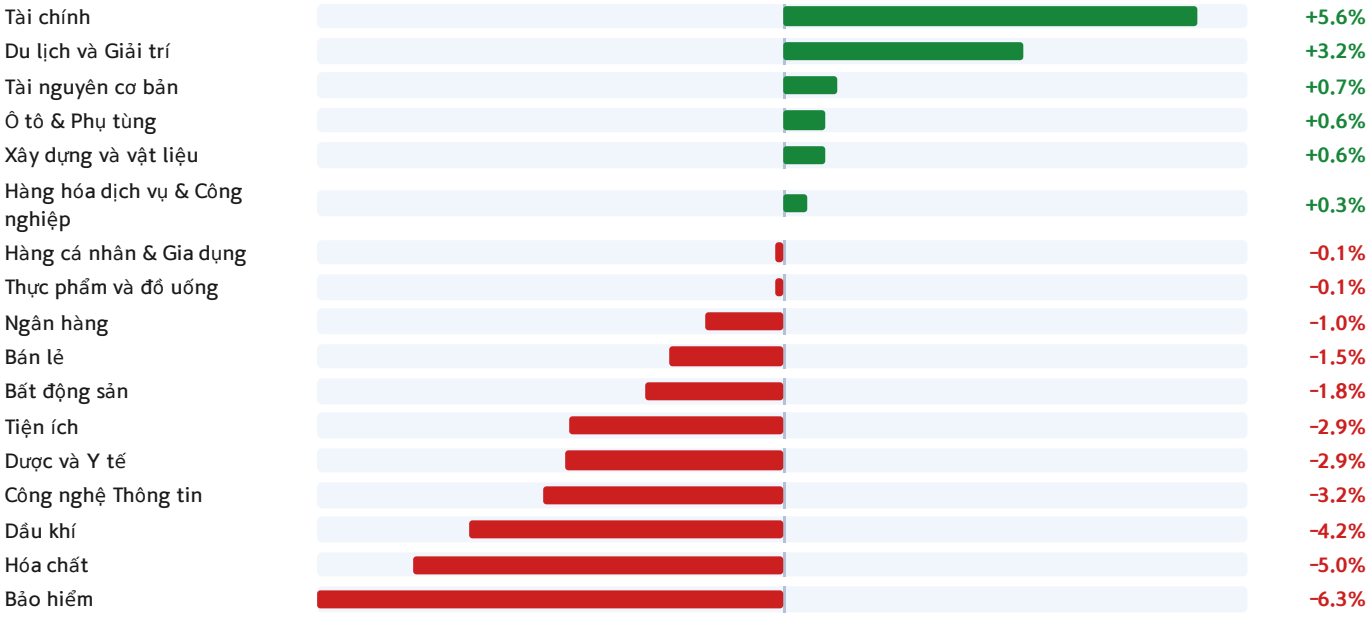
Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư chỉ nên nhìn chỉ số chung với ý nghĩa tham chiếu khi thị trường bị chi phối mạnh bởi nhóm Vingroup. Trong ngắn hạn vẫn nên thận trọng, tuy nhiên vẫn có cơ hội tại nhiều nhóm đang hút tiền như xuất khẩu, bất động sản, bất động sản khu công nghiệp và bán lẻ. Nhà đầu tư ngại rủi ro nên ưu tiên nhóm beta thấp, chi trả cổ tức cao, nợ vay thấp. Chiến lược giao dịch ngắn hạn phù hợp nhất là giao dịch trong biên độ, mua khi giá tích lũy tại hỗ trợ và bán khi tăng mạnh.

Diễn biến nhóm ngành

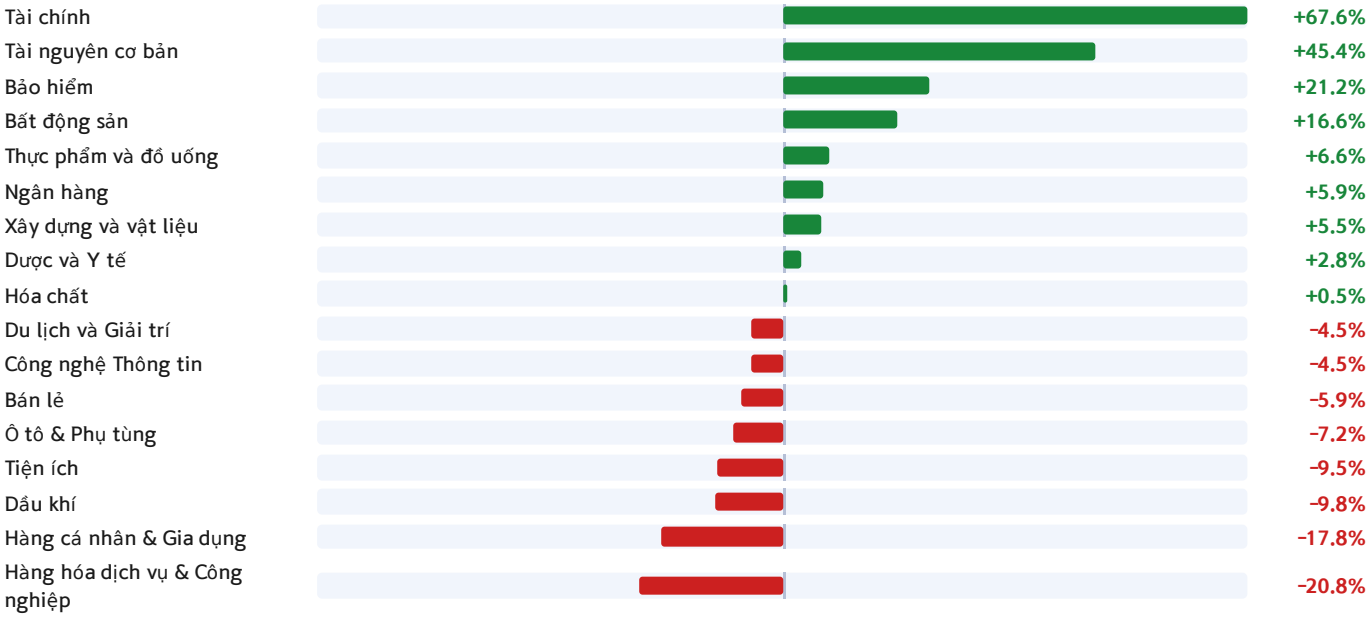
TĂNG MẠNH NHẤT (1W)	GIẢM MẠNH NHẤT (1W)	TỶ TRỌNG GIAO DỊCH LỚN NHẤT
+5.6%	-6.3%	28.3%
Tài chính	Bảo hiểm	Ngân hàng

% THAY ĐỔI GIÁ 1W THEO NGÀNH



Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

% THAY ĐỔI GIÁ TRỊ GIAO DỊCH 1W THEO NGÀNH



Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

DIỄN BIẾN 19 NGÀNH ICB CẤP 2

Tên ngành	% thay đổi giá			% thay đổi giá trị giao dịch			Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)	Vốn hóa (tỷ VND)
	1M	3M	YTD	1M	3M	YTD		
Tài chính	+7.1%	-7.9%	-8.5%	+55.8%	+35.0%	-14.9%	15.9	447,082.1
Du lịch và Giải trí	+9.8%	+8.2%	-8.8%	+12.7%	+6.4%	-16.2%	1.9	344,190.6
Tài nguyên cơ bản	+5.6%	-3.5%	-9.4%	+52.5%	+60.0%	-9.1%	6.2	218,412.4
Ô tô & Phụ tùng	-1.1%	-12.3%	-6.6%	+12.5%	+27.7%	-25.7%	0.3	16,170.4
Xây dựng và vật liệu	+2.2%	-3.5%	-13.7%	+18.2%	+32.1%	-43.4%	3.3	123,058.9
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-3.2%	-4.3%	-20.0%	-13.7%	-10.5%	-31.8%	5.8	211,574.6
Hàng cá nhân & Gia dụng	-5.0%	-25.7%	-49.7%	-38.0%	-30.7%	-28.5%	1.4	29,799.2
Thực phẩm và đồ uống	-3.9%	-2.7%	-14.5%	-7.5%	-3.8%	-33.0%	5.8	572,679.1
Ngân hàng	-1.4%	-5.4%	-3.3%	+2.3%	+2.2%	-26.8%	28.3	2,480,599.9
Bán lẻ	-4.1%	+2.4%	-10.3%	+0.6%	+3.8%	-36.7%	3.1	155,757.5
Bất động sản	+1.9%	+4.2%	+15.4%	+9.2%	-9.1%	-26.6%	17.7	2,665,727.4
Tiện ích	-5.1%	-6.9%	-3.0%	-6.1%	-23.5%	-58.9%	1.3	315,983.1
Dược và Y tế	-4.9%	-8.9%	-18.0%	-3.6%	-36.2%	-23.0%	0.2	32,978.2
Công nghệ Thông tin	-11.4%	-21.5%	-40.4%	+16.0%	+25.8%	-31.8%	3.8	106,224.4
Dầu khí	-13.7%	-4.4%	+32.6%	-23.4%	-36.1%	-56.5%	2.6	190,456.8
Hóa chất	-9.2%	-8.2%	-1.0%	-10.9%	-28.1%	-64.6%	1.8	188,548.4
Bảo hiểm	-14.1%	-6.1%	+5.8%	-4.6%	+15.8%	+0.8%	0.5	58,767.8

Sắp xếp theo % thay đổi giá 1W. Chưa có số liệu: Truyền thông, Viễn thông. Nguồn: ICB cấp 2 — FiinPro, Bloomberg.

Định giá

P/E VÀ P/B SO SÁNH QUỐC TẾ

P/E SO SÁNH QUỐC TẾ

VN-Index	11.6x
S&P 500 Index	25.2x
STOXX Europe 600 Index	17.3x
Hang Seng	12.5x
Nikkei 225	19.4x
SHCOMP Index	17.0x
KOSPI Index	9.9x

P/B SO SÁNH QUỐC TẾ

VN-Index	1.9x
S&P 500 Index	5.4x
STOXX Europe 600 Index	2.5x
Hang Seng	1.3x
Nikkei 225	2.7x
SHCOMP Index	1.4x
KOSPI Index	1.3x

Nguồn: Bloomberg.

DIỄN BIẾN P/E VÀ P/B CỦA VN-INDEX

P/E VN-Index

08/11/2019 – 06/11/2026



HIỆN TẠI (06/11)	TRUNG BÌNH	−1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	+1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	SO VỚI TRUNG BÌNH
11.6x	16.4x	13.4x	19.4x	-29.2%

P/B VN-Index

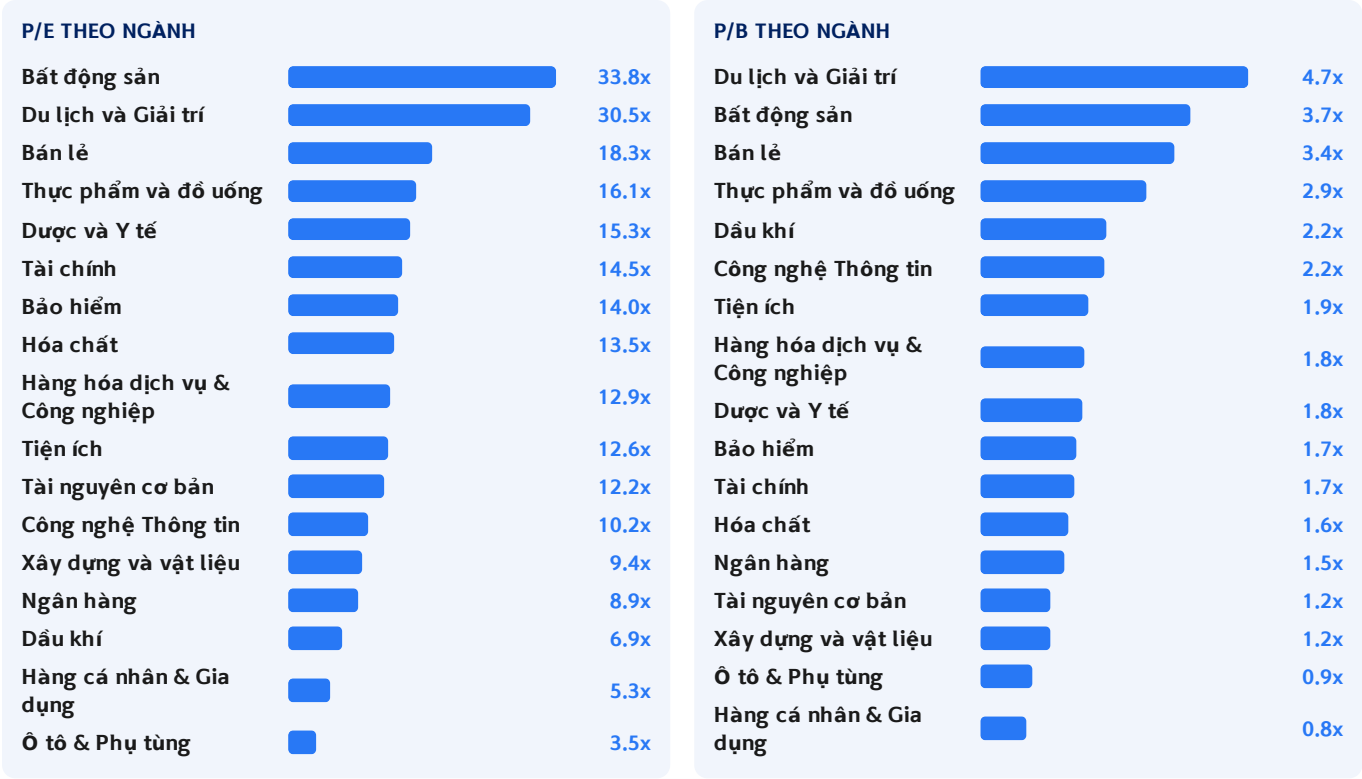
08/11/2019 – 06/11/2026



HIỆN TẠI (06/11)	TRUNG BÌNH	−1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	+1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	SO VỚI TRUNG BÌNH
1.9x	2.0x	1.7x	2.4x	-7.0%

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

P/E VÀ P/B THEO NHÓM NGÀNH ICB CẤP 2



Sắp xếp từ cao đến thấp. Chưa có số liệu: Truyền thông, Viễn thông. Nguồn: ICB cấp 2 — FiinPro, Bloomberg.

Dòng vốn ngoại

KHỐI NGOẠI MUA	KHỐI NGOẠI BÁN	KHỐI NGOẠI RÒNG	TỰ DOANH RÒNG
10,672.1	11,542.2	-872.6	+275.3
tỷ VND	tỷ VND	tỷ VND	tỷ VND

Lưu ý: dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI — TOP MUA/BÁN RÒNG (TỶ VND)

TOP 10 MUA RÒNG

VIX	+596.2
MSN	+330.2
HPG	+261.1
CTG	+229.4
VND	+158.5
SHB	+145.8
VIB	+104.6
VNM	+85.8
KDH	+81.3
BVH	+74.2

TOP 10 BÁN RÒNG

MBB	-651.0
VCB	-587.6
ACB	-280.1
GMD	-233.8
STB	-184.9
HDB	-155.5
BID	-141.3
FPT	-136.7
BSR	-130.6
FUEKIV30	-98.4

GIAO DỊCH TỰ DOANH — TOP MUA/BÁN RÒNG (TỶ VND)

TOP 10 MUA RÒNG

VPB	+232.2
HDB	+178.4
FUEKIV30	+99.2
MBB	+83.8
POW	+74.8
TCB	+48.4
ACB	+37.4
VCB	+36.1
MSN	+33.9
VNM	+27.5

TOP 10 BÁN RÒNG

MWG	-132.3
HPG	-103.5
FPT	-94.8
BID	-80.1
SSI	-42.3
E1VFVN30	-34.3
FUESSVFL	-33.0
FUESSV50	-33.0
HHV	-27.4
KDH	-21.7

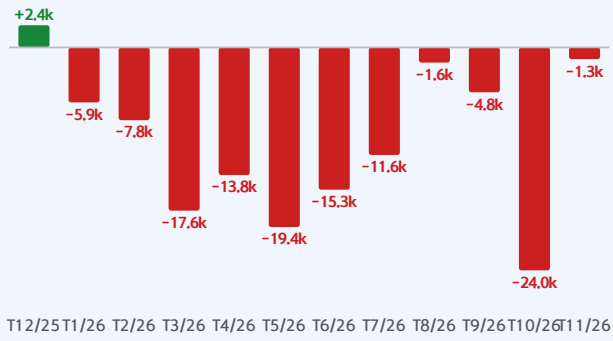
MUA/BÁN RÒNG THEO NGÀNH — TỰ DOANH VÀ NƯỚC NGOÀI (TỶ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh	Khối ngoại
Dịch vụ tài chính	-39.7	+734.4
Thực phẩm và đồ uống	+65.8	+323.0
Tài nguyên Cơ bản	-106.3	+277.3
Bất động sản	-8.8	+124.2
Bảo hiểm	+0.0	+74.6
Hóa chất	-0.4	+29.2
Truyền thông	+0.0	+0.0
Ô tô và phụ tùng	+0.3	-2.9
Y tế	+0.0	-3.2
Xây dựng và Vật liệu	-21.1	-7.8
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	+78.9	-15.3
Bán lẻ	-131.6	-27.1
Hàng cá nhân & Gia dụng	+1.6	-74.8
Du lịch và Giải trí	-2.1	-105.2
Dầu khí	-5.3	-128.1
Công nghệ Thông tin	-104.4	-144.6
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-7.1	-295.6
Ngân hàng	+555.6	-1,630.7
Tổng	**+275.3**	**-872.6**

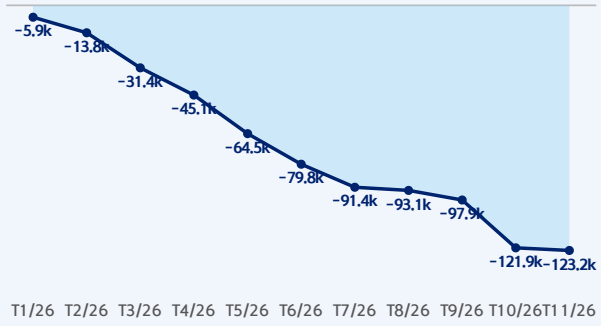
Sắp xếp theo giá trị mua/bán ròng của khối ngoại. Không bao gồm giao dịch thỏa thuận. Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

DÒNG VỐN NGOẠI THEO THÁNG (TỶ VND)

MUA/BÁN RÒNG THEO THÁNG



LŨY KẾ YTD 2026



Tháng 11/2026: từ 02/11/2026 đến 05/11/2026. k = nghìn tỷ VND. Nguồn: FiinPro.

ETF

TỔNG TÀI SẢN ETF	DÒNG VỐN RÒNG 1W	DÒNG VỐN RÒNG 1M	DÒNG VỐN RÒNG 3M
2,316.3	-10.3	-15.4	+12.6
triệu USD	triệu USD	triệu USD	triệu USD

DÒNG VỐN NGOẠI THEO QUỐC GIA (TRIỆU USD)

Quốc gia	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n/a	+13,045.1	+148,180.1	+166,057.9
Ấn Độ	+1,922.4	+1,922.4	-246.5	-28,508.0
Indonesia	-27.3	-27.3	-962.9	-5,628.6
Nhật Bản*	+7,168.1	+50,405.5	+50,405.5	+99,729.3
Malaysia	+83.7	+83.7	-127.5	-1,654.2
Hàn Quốc	-5,906.6	-5,906.6	-20,482.7	-147,164.8
Sri Lanka	-1.8	-1.8	-6.7	-184.1
Đài Loan	-13,357.4	-13,357.4	-45,141.5	-82,064.1
Thái Lan	-6.2	-6.2	-203.0	+610.7
Việt Nam	-47.0	-47.0	-962.0	-4,596.2

** Trung Quốc: số liệu có độ trễ 1 quý; Nhật Bản: số liệu có độ trễ 1 tuần. Nguồn: Bloomberg.*

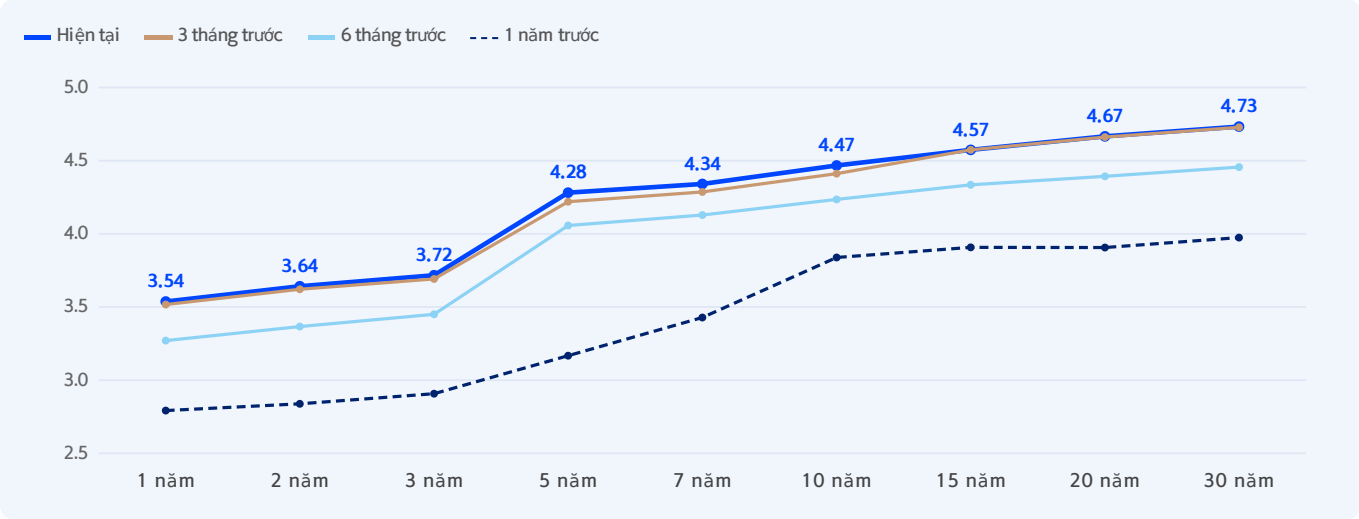
DÒNG VỐN RÒNG VÀO ETF VIỆT NAM (TRIỆU USD)

Tên ETF	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,316.3**	**-10.3**	**-15.4**	**+12.6**	**-189.5**
Nước ngoài	**1,605.6**	**-11.9**	**-15.5**	**+10.6**	**-166.7**
VanEck Vectors Vietnam ETF	466.2	-8.6	-8.6	-24.9	-77.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	325.4	-3.3	-5.3	-16.7	-132.6
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	187.9	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	348.1	0.0	-1.6	-13.7	-8.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	260.6	0.0	0.0	+65.9	+52.8
Premia MSCI Vietnam ETF	5.1	0.0	0.0	0.0	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2.4	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	9.8	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**710.8**	**+1.6**	**+0.1**	**+2.0**	**-22.9**
DCVFMVN Diamond ETF	398.0	+0.7	-2.5	-3.9	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	227.2	+0.9	+5.1	+1.8	-16.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	23.3	0.0	-2.5	+3.4	+3.7
MAFN VN30 ETF	18.5	0.0	0.0	-2.2	-13.7
SSIAM VNX50 ETF	7.6	0.0	0.0	+2.3	+1.9
VinaCapital VN100 ETF	26.5	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9.8	0.0	0.0	+0.6	+1.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

Số liệu vĩ mô

ĐƯỜNG CONG LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ VIỆT NAM (%)



Kỳ hạn	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm
Hiện tại	**3.54**	**3.64**	**3.72**	**4.28**	**4.34**	**4.47**	**4.57**	**4.67**	**4.73**
Tuần trước	3.54	3.64	3.72	4.28	4.34	4.46	4.57	4.67	4.73
3 tháng trước	3.52	3.62	3.69	4.22	4.29	4.41	4.57	4.66	4.73
6 tháng trước	3.27	3.37	3.45	4.06	4.13	4.24	4.33	4.39	4.46
1 năm trước	2.79	2.84	2.91	3.17	3.43	3.84	3.91	3.91	3.98
Thay đổi so với tuần trước (điểm cơ bản)	0.0	0.0	0.0	0.0	+0.4	+0.2	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

TỶ GIÁ

Cặp	Giá	1W	1M	3M	YTD
Chỉ số đô la Mỹ	101.9	+0.1%	+0.1%	+2.0%	+3.7%
VND/USD	25,603.0	-0.8%	-1.5%	-2.5%	-2.6%
KRW/USD	1,355.5	+1.6%	+1.2%	-4.8%	-5.8%
JPY/USD	157.9	+0.2%	-0.1%	-0.3%	+0.8%
EUR/USD	0.9	-0.2%	+0.7%	+3.1%	+5.0%
SGD/USD	1.3	+0.2%	+0.3%	-0.2%	-0.4%
CNY/USD	6.7	+0.2%	-0.5%	-1.2%	-4.6%

Giá: số đơn vị ngoại tệ trên 1 USD. Nguồn: Bloomberg.

HÀNG HÓA

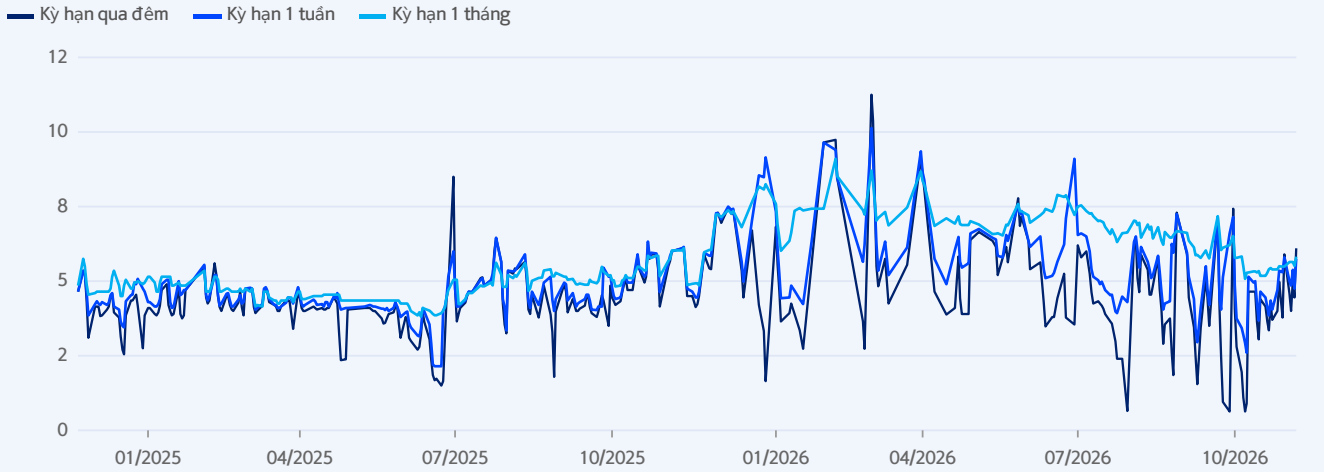
Mặt hàng	Giá	1W	1M	3M	YTD
Dầu thô	91.4	-12.3%	+2.1%	+18.2%	+59.1%
Xăng	279.5	-15.6%	-14.6%	-4.9%	+63.9%
Gas	3.0	+4.2%	-3.0%	+14.4%	-18.1%
Than	144.5	-3.8%	-3.7%	+12.2%	+34.4%
Vàng	4,052.3	+4.6%	-2.7%	-4.4%	-6.2%
Bạc	51.6	+5.2%	-15.8%	-16.1%	-27.9%
Platinum	1,522.0	+6.0%	-11.0%	-11.8%	-26.1%
Quặng sắt	93.1	+2.7%	+1.8%	-0.8%	-13.1%
Thép cán	3,201.0	-0.1%	-3.0%	-0.9%	-2.1%
Lúa mì	596.8	-1.1%	-15.3%	-5.5%	+17.7%
Ngô	441.5	-1.4%	-13.1%	+0.6%	+0.3%
Gỗ	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a

Giá: USD (trừ khi nguồn ghi khác). n/a: Bloomberg không trả dữ liệu. Nguồn: Bloomberg.

LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG (%/NĂM)

Lãi suất liên ngân hàng theo kỳ hạn

22/11/2024 – 06/11/2026



Kỳ hạn	Hiện tại (06/11)	Tuần trước (30/10)	Tháng trước (07/10)	Thay đổi so với tuần trước (điểm %)
Qua đêm	6.10	5.90	0.63	**+0.20**
1 tuần	5.75	5.80	2.93	**-0.05**
1 tháng	5.82	5.49	5.08	**+0.33**

Ngày so sánh là phiên gần nhất có số liệu. Nguồn: Bloomberg.

Độ rộng thị trường

RSI DƯỚI 30 (BÁN QUÁ MỨC)

13

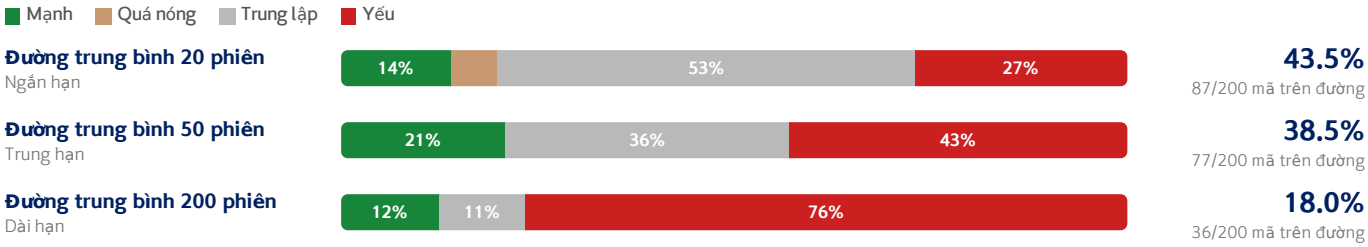
6.5% số mã

RSI TRÊN 70 (MUA QUÁ MỨC)

4

2.0% số mã

TỶ LỆ CỔ PHIẾU TRÊN CÁC ĐƯỜNG TRUNG BÌNH ĐỘNG — 200 CỔ PHIẾU



Số % trong cột phải: tỷ lệ cổ phiếu có giá đóng cửa cao hơn đường trung bình. Ngưỡng xếp loại theo khoảng cách giữa giá và đường trung bình: Yếu: thấp hơn đường trung bình trên 3%; Trung lập: lệch trong khoảng ±3%; Mạnh: cao hơn từ 3% đến 8%; Quá nóng: cao hơn trên 8% (chỉ áp dụng cho đường 20 phiên). Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

XU HƯỚNG THEO NHÓM NGÀNH

NGÂN HÀNG (18)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	48.8	Trung lập	Yếu
MBB	45.6	Trung lập	Trung lập
HDB	55.1	Trung lập	Mạnh
VPB	41.0	Yếu	Yếu
MSB	74.7	Mạnh	Mạnh
TCB	45.2	Trung lập	Trung lập
EIB	44.6	Trung lập	Trung lập
ACB	40.0	Trung lập	Yếu
TPB	55.2	Trung lập	Trung lập
STB	57.6	Mạnh	Trung lập
CTG	64.8	Mạnh	Mạnh
VIB	53.3	Trung lập	Trung lập
SSB	34.0	Yếu	Yếu
VCB	34.9	Yếu	Yếu
NAB	57.8	Trung lập	Mạnh
OCB	55.5	Trung lập	Mạnh
BID	33.0	Yếu	Yếu
LPB	35.6	Yếu	Yếu

BẤT ĐỘNG SẢN (18)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
DXG	64.8	Mạnh	Mạnh
NVL	36.0	Trung lập	Yếu
DIG	65.1	Mạnh	Mạnh
VRE	47.8	Trung lập	Yếu
PDR	56.4	Trung lập	Trung lập
VIC	52.8	Trung lập	Trung lập
KDH	60.4	Mạnh	Mạnh
VHM	43.3	Trung lập	Yếu
TCH	77.7	Quá nóng	Mạnh
KBC	58.4	Trung lập	Trung lập
HDG	63.1	Mạnh	Mạnh
HDC	70.2	Quá nóng	Mạnh
NLG	55.8	Mạnh	Trung lập
DXS	48.9	Trung lập	Yếu
NTL	50.9	Trung lập	Trung lập
SIP	56.9	Trung lập	Trung lập
SZC	63.6	Mạnh	Mạnh
BCM	42.6	Trung lập	Yếu

BẢO HIỂM VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH (17)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
BVH	33.9	Yếu	Yếu
BMI	46.0	Trung lập	Trung lập
BIC	35.6	Trung lập	Yếu
VIX	64.6	Quá nóng	Mạnh
SSI	58.2	Mạnh	Trung lập
VND	65.5	Quá nóng	Mạnh
VCI	59.8	Mạnh	Trung lập
HCM	46.3	Trung lập	Yếu
TCX	53.5	Mạnh	Trung lập
ORS	51.0	Trung lập	Mạnh
VDS	62.0	Mạnh	Mạnh
FTS	55.9	Mạnh	Trung lập
CTS	66.5	Quá nóng	Mạnh
BSI	64.2	Quá nóng	Mạnh
TCI	47.2	Trung lập	Trung lập
TVB	37.0	Yếu	Yếu
DSE	41.2	Trung lập	Yếu

TÀI NGUYÊN CƠ BẢN VÀ XÂY DỰNG VẬT LIỆU (16)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
HPG	52.6	Trung lập	Trung lập
NKG	64.4	Mạnh	Mạnh
HSG	55.1	Trung lập	Mạnh
SMC	43.1	Trung lập	Yếu
CII	58.3	Mạnh	Mạnh
HHV	54.6	Trung lập	Trung lập
VCG	57.5	Trung lập	Mạnh
PC1	46.6	Trung lập	Yếu
FCN	58.2	Mạnh	Trung lập
VGC	38.4	Yếu	Yếu
DPG	63.9	Quá nóng	Mạnh
CTD	64.6	Mạnh	Mạnh
CTR	35.1	Yếu	Yếu
HT1	48.8	Trung lập	Trung lập
CTI	62.8	Mạnh	Mạnh
BMP	39.4	Trung lập	Yếu

HÀNG & DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP VÀ HÀNG CÁ NHÂN & GIA DỤNG (17)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
GEX	45.9	Trung lập	Yếu
VSC	47.8	Trung lập	Yếu
PVT	32.8	Yếu	Yếu
GMD	49.6	Trung lập	Trung lập
HAH	44.5	Trung lập	Trung lập
GEE	45.2	Yếu	Trung lập
VOS	40.4	Yếu	Yếu
APH	56.5	Trung lập	Mạnh
VTP	47.8	Trung lập	Yếu
SBG	56.1	Trung lập	Trung lập
REE	61.1	Mạnh	Trung lập
PAC	47.0	Trung lập	Trung lập
TV2	61.2	Mạnh	Mạnh
TCM	47.3	Trung lập	Yếu
TLG	52.7	Trung lập	Trung lập
PNJ	23.5	Yếu	Yếu
MSH	68.9	Mạnh	Mạnh

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ BÁN LẺ (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	30.2	Yếu	Yếu
SAM	55.3	Trung lập	Trung lập
ELC	30.1	Yếu	Yếu
CMG	28.4	Yếu	Yếu
MWG	47.5	Trung lập	Trung lập
DGW	31.4	Yếu	Yếu
PET	49.9	Trung lập	Mạnh
FRT	46.4	Trung lập	Trung lập

DẦU KHÍ & ĐIỆN NƯỚC VÀ TIỆN ÍCH (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
PVD	36.1	Yếu	Yếu
BSR	32.7	Yếu	Yếu
PLX	36.9	Yếu	Yếu
POW	46.7	Trung lập	Trung lập
NT2	43.6	Yếu	Trung lập
GAS	37.4	Yếu	Yếu
GEG	42.9	Trung lập	Yếu
PPC	43.9	Trung lập	Trung lập

THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
MSN	54.8	Trung lập	Mạnh
VNM	49.0	Trung lập	Trung lập
DBC	47.3	Trung lập	Trung lập
BAF	65.7	Trung lập	Trung lập
SAB	46.3	Trung lập	Trung lập
ANV	48.1	Yếu	Trung lập
VHC	41.9	Yếu	Yếu
MCH	19.6	Yếu	Yếu

TRUYỀN THÔNG VÀ Y TẾ (5)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
YEG	47.8	Trung lập	Yếu
DCL	41.6	Yếu	Trung lập
DBD	37.5	Trung lập	Trung lập
TNH	38.8	Yếu	Yếu
JVC	52.6	Trung lập	Trung lập

DU LỊCH & GIẢI TRÍ VÀ Ô TÔ PHỤ TÙNG (7)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
VPL	77.7	Quá nóng	Mạnh
VJC	65.3	Mạnh	Mạnh
HVN	57.9	Mạnh	Mạnh
SCS	39.4	Trung lập	Yếu
VNG	42.2	Trung lập	Yếu
HAX	39.5	Trung lập	Trung lập
DRC	25.5	Yếu	Yếu

RSI: chỉ số sức mạnh tương đối. Ngắn hạn: so với đường trung bình 20 phiên; Trung hạn: so với đường 50 phiên. Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

Danh sách theo dõi

DANH SÁCH THEO DÕI TIỀM NĂNG

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	**HPG**	21.2	22.5	NA	**+6.1%**	KQKD vẫn duy trì đà tăng tốt, thanh khoản và giá cải thiện đáng kể trên MA 50
2	**DPG**	32.0	NA	NA	NA	KQKD Quý III/2026: doanh thu thuần 1,854 tỷ đồng (tăng 57%), lợi nhuận sau thuế 105 tỷ đồng (tăng 26%). Đà tăng mạnh của cổ phiếu xác nhận xu hướng khỏe uptrend của DPG. Nếu có nhịp điều chỉnh phù hợp có thể tham gia

NA: chưa có số liệu. Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU RỦI RO CAO NÊN TRÁNH

STT	Ngành	Cổ phiếu	Ghi chú
1	Bất động sản	**NVL**	Nhịp giảm sàn mạnh của NVL ngay trước phiên chốt quyền mua. Cùng với động thái bán ra liên tục của ban lãnh đạo và công đoàn của công ty. Nhóm bất động sản nhìn chung đang gặp tác động tiêu cực từ lãi suất tăng cao. Rủi ro nằm ở chất lượng lợi nhuận và nguồn cung cổ phiếu
2	Hàng cá nhân & gia dụng	**PNJ**	PNJ đang có cú shock về cả KQKD và niềm tin của thị trường. Cổ phiếu giảm sàn liên tục và việc tham gia là rất rủi ro. Quý 3/2026 lỗ sau thuế gần 258 tỷ đồng (cùng kỳ lãi 496 tỷ đồng), doanh thu giảm 14%, biên lợi nhuận gộp giảm từ 19.8% xuống 8.7%
3	Công nghệ	**FPT**	Cổ phiếu thủng đáy, tăng trưởng KQKD đã chậm lại rõ rệt so với nền 18-22%/năm giai đoạn 2021-2024, và áp lực bán ròng của khối ngoại cộng với nguồn cung mới từ ESOP và cổ phiếu thưởng vẫn là lực cản ngắn hạn. Rủi ro còn lại là áp lực bán của khối ngoại: một phiên mua ròng chưa đủ để đảo xu hướng sau 10 tháng bán ròng, nên nhịp hồi cần thêm thời gian xác nhận.

Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

Mạng lưới Shinhan Investment

MẠNG LƯỚI SHINHAN INVESTMENT

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Copy @ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Analyst: Nam Hoang, CFA · Research Labs · Shinhan Securities Vietnam · (84-28) 6288-7000 - Ext: 7603

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích — Công ty Chứng khoán Shinhan Việt Nam, được cấp phép bởi UBCKNN Việt Nam.
Thông tin chỉ mang tính tham khảo, không phải khuyến nghị mua/bán. Quyết định đầu tư cuối cùng thuộc về nhà đầu tư.